

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **641/2023/HC-ST**

Ngày: 10/5/2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
về quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hề

2. Ông Trần Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 163/2016/TLST-HC ngày 24 tháng 10 năm 2016 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1195/2023/QĐST-HC ngày 20 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4299/2023/QĐSTHC-HPT ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1972 (Có mặt)

Cư trú: 101/191A ấp F, xã Đ, huyện H, Thành phố H

Người đại diện ủy quyền ngày 22/02/2017: Bà Võ Thu H (Có mặt)

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Cư trú: Số 01 đường L, phường T, quận M, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Đ – Chủ tịch (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Phương B – Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 12 (Vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1952 (Vắng mặt)

Cư trú: 30/4 khu phố S, phường H, quận T, Thành phố H

3.2 Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Cư trú: 028 lô T, cư xá T, Phường S, quận B, Thành phố H

3.3 Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1963 (chết năm 2018)

Cư trú: 19M khu phố T, phường H, quận T, Thành phố H

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

Ông Phạm Hòa M, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Cư trú: Tổ 11, ấp Đ, xã B, huyện T, tỉnh B

Bà Phạm Ngọc M, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Cư trú: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh T

3.4 Bà Nguyễn Thị Lan C, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Cư trú: 92/3B khu phố T, L, phường T, quận T, Thành phố H

3.5 Ông Trần Dương Đình T, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Cư trú: 322/1B đường C, Phường M, quận B, Thành phố H

3.6 Ông Lê Thế T, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Cư trú: 30I khu phố B, phường H, quận T, Thành phố H

3.7 Bà Lưu Bích L, sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Cư trú: 15/22 khu phố S, đường số S, phường H, Thành phố T, Thành phố H

3.8 Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Cư trú: A75/6F đường B, Phường H, quận T, Thành phố H

3.9 Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Cư trú: 66A khu phố S, N, phường H, quận T, Thành phố H

3.10 Ông Ngô Kỳ S, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Cư trú: 1431 đường H, Phường F, quận T, Thành phố H

3.11 Bà Võ Thu H, sinh năm 1973 (Có mặt)

Cư trú: 101/191A ấp F, xã Đ, huyện H, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện gửi ngày 17/8/2016, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/02/2017, Bản tường trình ngày 30/8/2016, Bản tự khai ngày 17/02/2017 cùng các tài liệu; chứng cứ, người khởi kiện và đại diện ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất trồng cây hàng năm khác 2.915,8m² thuộc thửa 841, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại phường H, quận T, Thành phố H của bà Nguyễn Thị S (là bà ngoại của tôi) được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) quận 12 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt Giấy CNQSDĐ QSHNƠ) số CD 402975 (số vào sổ cấp GCN: CH 07771) ngày 01/6/2016 theo Bản án số 11/2014/HC-PT ngày 26/02/2014 (viết tắt Bản án phúc thẩm số 11/2014/HC-ST) của Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao (viết tắt Tòa án ND tối cao) tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Bản án số 1164/2013/HC-ST ngày 23/9/2013 (viết tắt Bản án sơ thẩm số 1164/2013/HC-ST)

của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt Tòa án ND Thành phố) về bác yêu cầu khởi kiện của tôi hủy Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 11/4/2012 (viết tắt Quyết định số 1916/2012/QĐ-UBND) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt Chủ tịch UBND Thành phố).

Ngày 06/6/2015, tôi nhận Thông báo số 304/TB-UBND-ĐT ngày 29/5/2015 (viết tắt Thông báo số 304/2015/TB-UBND-ĐT) của UBND quận 12 về thi hành Quyết định số 1916/2012/QĐ-UBND nhưng không đồng ý và nộp đơn đề nghị xem xét lại 02 bản án trên. Mặt khác, trong quyết định này chưa làm rõ tài sản trên đất của tôi cấp cho bà Nguyễn Thị S gồm có: 02 căn nhà ở, rau màu, cây ăn quả, nhà lưới trồng rau, công tác tạo làm gia tăng giá trị đất mà Bản đồ hiện trạng vị trí (viết tắt Bản đồ HTVT) số 40304/ĐĐBĐ ngày 27/10/2011 của Trung tâm đo đạc bản đồ (viết tắt Trung tâm ĐĐBĐ) - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt Sở TN&MT Thành phố) không thể hiện đúng hiện trạng.

Ngày 28/7/2016, tôi nộp Đơn khiếu nại và nhận Thông báo số 833/TB-UBND-TNMT ngày 25/8/2016 của UBND quận 12 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại đối với việc cấp giấy chứng nhận phần đất này cho bà Nguyễn Thị S.

Việc cấp giấy chứng nhận trên là không đúng pháp luật vì 02 bản án này không buộc tôi phải thi hành Quyết định số 1916/2012/QĐ-UBND và phải giao 2.915,8m² cùng với tài sản trên đất cho bà Nguyễn Thị S cũng như không ghi nhận bà Nguyễn Thị S liên hệ cơ quan chức năng xin cấp giấy chứng nhận; Giấy chứng nhận này ghi thời hạn sử dụng đất của bà Nguyễn Thị S đến ngày 03/11/2018 là 2 năm 5 tháng 2 ngày không đúng khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai năm 2013 (viết tắt Luật ĐĐ) là 50 năm. Đồng thời, chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục khi cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị S có tài sản trên đất là của tôi. Do đó, tôi gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án ND Thành phố hủy Giấy CNQSDĐ QSHNƠ số CD 402975 của UBND quận 12.

Văn bản số 8505/UBND-TNMT ngày 10/11/2020, số 1499/UBND-TNMT ngày 17/3/2023, đại diện người bị kiện trình bày:

Bà Nguyễn Thị S được UBND quận 12 cấp Giấy CNQSDĐ QSHNƠ số CD 402975 thuộc một phần thửa 496, 501, 505, 524, 560, 561, 581 tờ bản đồ số 1, phường Hiệp Thành, quận 12 (theo Tài liệu 02/CT-UB) theo Bản đồ HTVT số 44143-VPQ12 ngày 28/10/2015 của Trung tâm ĐĐBĐ - Sở TN&MT Thành phố.

Phần đất này thuộc một phần của khu đất tranh chấp 2.915,8m²/6.566,9m² giữa ông Nguyễn Trung H với bà Nguyễn Thị S được Chủ tịch UBND Thành phố ban hành Quyết định số 1916/2012/QĐ-UBND về việc điều chỉnh sửa đổi Quyết định số 3644/QĐ-UBND ngày 10/8/2007 và đã được giải quyết bởi Bản án sơ thẩm số 1164/2013/HC-ST, Bản án phúc thẩm số 11/2014/HC-PT về bác yêu cầu của ông Nguyễn Trung H xin hủy Quyết định số 1916/2012/QĐ-UBND.

Thi hành bản án có hiệu lực pháp luật, UBND quận 12 đề nghị ông Nguyễn Trung H thực hiện Thông báo số 304/2015/TB-UBND-ĐT ngày 29/5/2015.

Ngày 21/12/2015, bà Nguyễn Thị S gửi đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận đối với phần đất nêu trên và đã cấp Giấy CNQSDĐ QSHNƠ ngày 01/6/2016.

Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung H. Đồng thời, xin vắng mặt tham gia tố tụng kể cả phiên tòa.

Bản tự khai ngày 24/4; 17/5 và 03/8/2017, bà Võ Thu H trình bày :

Tôi là vợ và đồng ý yêu cầu khởi kiện của chồng là ông Nguyễn Trung H.

Đơn nêu ý kiến ngày 13-24-25/6/2018 ; 17-18/02 và 20/3/2023, các ông bà Nguyễn Thị Thanh L; Nguyễn Thị Lan C (cũng là người đại diện cho chồng là ông Nguyễn Văn V); Trần Dương Đình T (cũng là người đại diện cho vợ là bà Nguyễn Văn N); Lê Thế T (vợ là bà Hoàng Thị Ngọc T xác nhận là tài sản riêng của chồng); Lưu Bích L; Dương Thị Đ; Huỳnh Thị B (cũng là người đại diện cho chồng là ông Nguyễn Tuấn A) và Ngô Kỳ S trình bày:

Chúng tôi hiểu rõ nguồn gốc diện tích đất 2.915,8m² của bà Nguyễn Thị S được cấp Giấy CNQSDĐ QSHNƠ ngày 01/6/2016. Thông qua Hợp đồng ủy quyền ngày 07/10/2011 của Văn phòng Công chứng Củ Chi nên ký các hợp đồng chuyển nhượng với ông Huỳnh Văn H (là con và cũng là người đại diện của bà Nguyễn Thị S) được Văn phòng Thừa phát lại huyện Hóc Môn lập vi bằng ngày 28/7/2016 và đã giao nhận đủ tiền.

Ngày 10/6/2017, bà Nguyễn Thị Thanh L (độc thân theo Giấy xác nhận số 392/UBND-XNTTHN ngày 19/5/2017 của UBND phường Hiệp Thành, quận 12) tặng cho diện tích đất nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị S cho em là ông Nguyễn Thanh Q theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) số 011690 ngày 10/6/2017 của Văn phòng Công chứng Nhà Ròng.

Ngày 22/9/2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (viết tắt Chi nhánh VPĐKĐĐ) quận 12 cập nhật chuyển nhượng và ngày 24/10/2022 được gia hạn tiếp tục sử dụng đất đến năm 2068. Năm 2017, bà Nguyễn Thị S chết.

Do đó, chúng tôi không đồng ý yêu cầu của ông Nguyễn Trung H hủy giấy chứng nhận nêu trên, kể cả ý kiến của ông Nguyễn Thanh Q, riêng ông Phạm Hòa M, bà Phạm Ngọc M cũng không có ý kiến về phần đất của mẹ là bà Nguyễn Thị Thanh L đã tặng cho cậu là ông Nguyễn Thanh Q khi còn sống. Đồng thời, đề nghị vắng mặt tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Ông Nguyễn Trung H thống nhất ý kiến của bà Võ Thu H xác định: diện tích đất cấp cho bà Nguyễn Thị S 2.915,8m² thuộc một phần diện tích 6.566,9m² theo Quyết định số 1916/2012/QĐ-UBND đã bị bác yêu cầu khởi kiện nêu tại Bản án phúc thẩm số 11/2014/HC-PT. Bản đồ HTVT số 40304/ĐĐBĐ ngày 27/10/2011 ghi nhận hiện trạng là đất trồng, trồng rau màu theo Quyết định số 1916/2012/QĐ-UBND nhưng tại Bản đồ HTVT số 44143-VPQ12 ngày 28/10/2015 ghi nhận trong giấy chứng nhận ngày 01/6/2016 là có nhà ở, ... nhưng không giải quyết tài sản trên

đất là xâm phạm đến quyền lợi của chúng tôi. Trong giấy chứng nhận cấp cho bà Nguyễn Thị S không có ghi nhận cấp tài sản trên đất là nhà ở, chỉ có cấp diện tích đất trồng cây hàng năm khác. Được biết việc cấp giấy chứng nhận này không đúng nên khởi kiện trong vụ án này, không có nộp đơn khiếu nại hay khởi kiện về tranh chấp tài sản trên đất từ đó đến nay. Hiện nay chưa nhận văn bản xem xét thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án có hiệu lực pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trung H hủy Giấy CNQSDĐ QSHNƠ số CD 402975 của UBND quận 12 cấp cho bà Nguyễn Thị S.

Đại diện Viện kiểm sát nêu hành vi tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện như bà Võ Thu H trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Xét đơn gửi ngày 17/8/2016 của ông Nguyễn Trung H khởi kiện UBND quận 12 về hủy Giấy CNQSDĐ QSHNƠ số CD 402975 ngày 01/6/2016 là loại khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và còn thời hiệu theo khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115 và điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (viết tắt Luật TTHC), nên chấp nhận.

[2] Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của các ông bà Nguyễn Văn Đ, Phan Phương B, Nguyễn Thanh Q, Nguyễn Thị Lan C, Trần Dương Đình T, Lê Thế T, Lưu Bích L, Dương Thị Đ, Huỳnh Thị B, Ngô Kỳ S, Phạm Hòa M, Phạm Ngọc M và việc vắng mặt không có lý do của bà Nguyễn Thị G, ông Huỳnh Văn H theo Biên bản giao và niêm yết công khai giấy tờ, hồ sơ, tài liệu của Văn phòng Thừa phát lại quận 1 lập ngày 27/3; 17/4/2023, phù hợp điểm b khoản 2 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 Luật TTHC, nên chấp nhận.

[3] Xét thẩm quyền ban hành Giấy CNQSDĐ QSHNƠ số CD 402975 ngày 01/6/2016 của Phó Chủ tịch UBND quận 12 phù hợp khoản 2 Điều 105 Luật ĐĐ.

[4] Xét phần diện tích đất 2.915,8m² của bà Nguyễn Thị S gửi đơn xin đăng ký cấp Giấy CNQSDĐ, QSHNƠ&TS khác gắn liền với đất ngày 21/12/2015 theo Bản đồ HTVT số 44143-VPQ12 ngày 28/10/2015 có nguồn gốc thuộc một phần đất tranh chấp có diện tích 6.566,9m² theo Bản đồ HTVT số 40304/ĐĐBĐ-VPQ12 ngày 27/10/2011 được Chủ tịch UBND Thành phố giải quyết khiếu nại bởi Quyết định số 1916/2012/QĐ-UBND ghi nhận “bà Nguyễn Thị S sử dụng 2.990,9m² với hiện trạng là đất trống, trên đất trồng rau màu” và “ông Nguyễn Trung H sử dụng 2.990,9m² với hiện trạng có một phần là đất trống, một phần còn lại có một số căn nhà do ông Nguyễn Trung H chuyển nhượng đất bằng giấy tay cho một số hộ dân cất nhà ở.”. Bản án phúc thẩm số 11/2014/HC-ST tuyên giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 1164/2013/HC-ST về bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung H yêu cầu hủy

Quyết định số 1916/2012/QĐ-UBND. Như vậy, UBND quận 12 cấp Giấy CNQSDĐ QSHNƠ số CD 402975 ngày 01/6/2016 cho bà Nguyễn Thị S sau khi giao Thông báo số 304/2015/TB-UBND-ĐT về thi hành Quyết định số 1916/2012/QĐ-UBND cho bà Võ Thu H đại diện ông Nguyễn Trung H nhận ngày 06/6/2015 theo khoản 3 Điều 100 Luật ĐĐ như đại diện người bị kiện nêu tại Văn bản số 8505/UBND-TNMT ngày 10/11/2020 là có căn cứ.

[5] Xét ý kiến của bà Võ Thu H đại diện ông Nguyễn Trung H tại Biên bản lập ngày 06/6/2015 của Phòng Quản lý đô thị quận 12 ghi nhận “ ... ông Nguyễn Trung H gửi đơn kháng nghị Bản án phúc thẩm số 11/2014/HC-ST theo Giấy xác nhận số 518/GXN-VKSTC-V7 ngày 01/4/2014 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Giấy xác nhận số 280/GXN ngày 26/5/2014 của Tòa án nhân dân tối cao ” và tại phiên tòa khẳng định: hiện chưa nhận được văn bản, quyết định kháng nghị hay quyết định giám đốc thẩm của người có thẩm quyền kháng nghị và giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án có hiệu lực pháp luật nêu trên. Do đó, Quyết định số 1916/2012/QĐ-UBND được thi hành bởi Bản án phúc thẩm số 11/2014/HC-ST nên việc ban hành Thông báo số 304/TB-UBND-ĐT ngày 29/5/2015 và đã giao cho bà Võ Thu H đại diện ông Nguyễn Trung H ký nhận ngày 06/6/2015 được thực hiện theo Điều 311 Luật TTHC. Người khởi kiện cho rằng “02 bản án này không buộc tôi phải thi hành Quyết định số 1916/2012/QĐ-UBND” là không có cơ sở, kể cả trong giấy chứng nhận cấp cho bà Nguyễn Thị S với thời hạn sử dụng đất không đúng khoản 1 Điều 126 Luật ĐĐ.

[6] Tại phiên tòa, bà Võ Thu H và ông Nguyễn Trung H khẳng định: Quyết định số 1916/2012/QĐ-UBND chưa làm rõ tài sản trên đất chia cho bà Nguyễn Thị S gồm: 02 căn nhà ở, rau màu trên đất, cây ăn quả, nhà lưới trồng rau, công tái tạo đất làm tăng giá trị đất của người khởi kiện mà Bản đồ HTVT số 40304/ĐĐBĐ-VPQ12 ngày 27/10/2011 thể hiện không đúng hiện trạng nhưng từ khi lập Biên bản ngày 06/6/2015 đến nay vẫn chưa nộp đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết về tài sản trên đất của bà Nguyễn Thị S được cấp ngày 01/6/2016 nên cho rằng UBND quận 12 chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục khi cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị S do có tài sản trên đất là không có căn cứ, bởi việc tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân theo khoản 1 Điều 203 Luật ĐĐ.

[7] Xét phần đất của bà Nguyễn Thị S được cấp giấy chứng nhận ngày 01/6/2016 do ông Huỳnh Văn H đại diện theo Hợp đồng ủy quyền ngày 07/10/2011 của Văn phòng Công chứng Cử Chi đã ký chuyển nhượng cho các ông bà Nguyễn Thị Thanh L, Nguyễn Thị Lan C, Trần Dương Đình T, Lê Thế T, Lưu Bích L, Dương Thị Đ, Huỳnh Thị B, Ngô Kỳ S tại Văn phòng Thừa phát lại huyện Hóc Môn lập vi bằng ngày 28/7/2016 và được Chi nhánh Văn phòng ĐKQSDĐ quận 12 cập nhật thông tin chuyển nhượng vào hồ sơ địa chính cũng như gia hạn việc tiếp tục sử dụng đất đến ngày 03/11/2068 theo khoản 1 Điều 126 Luật ĐĐ, điểm c khoản 4 Điều 72 và điểm d khoản 1 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014 của Chính phủ nên những người nhận chuyển nhượng đất nêu trên thống nhất ý kiến về không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trung H về hủy giấy chứng nhận của bà Nguyễn Thị S được cấp ngày 01/6/2016 vì đã chuyển nhượng hợp pháp là có cơ sở.

[8] Xét đơn đề nghị của ông Nguyễn Trung H gửi ngày 28/02/2016 về việc triệu tập bà Nguyễn Thị S tham gia tố tụng trong vụ án này là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do yêu cầu khởi kiện hủy Giấy CNQSDĐ QSHNƠ số CD 402975 ngày 01/6/2016 cấp cho bà Nguyễn Thị S là phù hợp Điều 55 Luật TTHC. Tại Văn bản số 776/UBND ngày 07/9/2017 của UBND phường Hiệp Thành, quận 12 phúc đáp Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 2953/QĐ-CCCC ngày 14/8/2017 của Tòa án ND Thành phố thể hiện: bà Nguyễn Thị S chết ngày 15/6/2017 theo Giấy báo tử số 18/2017 ngày 05/7/2017 nên bà Võ Thu H trình bày tại Bản tự khai ngày 17/5 và 03/8/2017 về việc chồng con của bà Nguyễn Thị S là ông Huỳnh Văn C (chết năm 1968), bà Huỳnh Thị Lệ T hiện đang định cư tại Đức nhưng không biết địa chỉ để cung cấp cho Tòa án, riêng bà Nguyễn Thị G và ông Huỳnh Văn H đang ở Việt Nam nên yêu cầu triệu tập tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này là không có căn cứ, bởi phần đất cấp giấy chứng nhận ngày 01/6/2016 cho bà Nguyễn Thị S đã chuyển nhượng hợp pháp cho những người nhận chuyển nhượng nêu trên do ông Huỳnh Văn H đại diện ký ngày 28/7/2016 thể hiện ý chí định đoạt của bà Nguyễn Thị S theo Điều 167 Luật ĐĐ.

[9] Từ sự phân tích trên, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về không chấp nhận lời trình bày của bà Võ Thu H và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung H nên người khởi kiện chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ngoài ra, tuyên quyền kháng cáo và kháng nghị theo luật định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, khoản 1 Điều 206 và khoản 1 Điều 213 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung H về hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 402975 (số vào sổ cấp GCN: CH 07771) ngày 01/6/2016 của Ủy ban nhân dân quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị S đối với diện tích 2.915,8m² thuộc thửa số 841, tờ bản đồ số 1 tại phường H, quận T, Thành phố H.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Nguyễn Trung H nộp án phí 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm nộp án phí theo Biên lai thu số 031182 ngày 23/9/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Trung H đã nộp đủ.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, nhận hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo luật định./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tối cao;
- TANDND cấp cao tại TPHCM;
- Viện KSNDTPHCM;
- Cục THADSTPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mỹ Cúc